

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, sản xuất.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp các công trình giao thông, thủy điện, bưu điện, hệ thống điện đến 220KV, hệ thống cấp thoát nước công nghiệp và dân dụng; Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh nhà máy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Thi công xây lắp hệ thống điện đến 220KV;
- Kinh doanh thép, xi măng, chất phụ gia bê tông, vật tư, thiết bị xây dựng; Kinh doanh vật liệu không nung; Kinh doanh điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng không nung.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty liên doanh, liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 – Nguyên Lộc có trụ sở chính tại Phòng 603, tầng 6 - CT4, khu đô thị mới Mỹ Đình, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh vật tư, thiết bị. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 22%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12 – Xí nghiệp Sông Đà 12.11	Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12 – Xí nghiệp Sông Đà 12.4	Số 55 Quốc lộ 5, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12 – Xí nghiệp Sông Đà 12.2	Đường Trần Quý Cáp, tổ 19, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Nhà máy gạch không nung Sông Đà 12 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Số 133, phố Lục Đầu Giang, phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 302 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 235 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

##### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

##### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

###### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

###### ***Công ty liên kết***

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là chi phí thi công xây lắp chưa hoàn thành.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 25

#### 8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	06

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (25 năm).

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **12. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

#### **21. Công cụ tài chính**

##### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.039.223.965	328.850.602
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	78.564.650	2.289.788.001
<b>Cộng</b>	<b><u>1.117.788.615</u></b>	<b><u>2.618.638.603</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Cổ phiếu</b>	<b>5.241.078.364</b>	<b>4.337.877.500</b>	<b>(903.200.864)</b>	<b>5.349.963.991</b>	<b>4.843.511.711</b>	<b>(506.452.280)</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (SDS)	815.000.000	815.000.000		815.000.000	325.185.000	(489.815.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà (SDP)	1.323.404.364	575.860.200	(747.544.164)	1.432.289.991	1.432.289.991	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (SCL)	3.000.000.000	2.867.700.000	(132.300.000)	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Các cổ phiếu khác	102.674.000	79.317.300	(23.356.700)	102.674.000	86.036.720	(16.637.280)
<b>Cộng</b>	<b><u>5.241.078.364</u></b>	<b><u>4.337.877.500</u></b>	<b><u>(903.200.864)</u></b>	<b><u>5.349.963.991</u></b>	<b><u>4.843.511.711</u></b>	<b><u>(506.452.280)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	506.452.280	593.765.391
Trích lập dự phòng bổ sung	396.748.584	
Hoàn nhập dự phòng		(87.313.111)
<b>Số cuối năm</b>	<b>903.200.864</b>	<b>506.452.280</b>

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>7.080.000.000</i>	<i>(1.506.473.535)</i>	<i>7.080.000.000</i>	<i>(1.506.473.535)</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc <sup>(i)</sup>	7.080.000.000	(1.506.473.535)	7.080.000.000	(1.506.473.535)
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác<sup>(ii)</sup></i>	<i>11.397.500.000</i>	<i>(2.070.000.000)</i>	<i>11.397.500.000</i>	<i>(2.070.000.000)</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	9.000.000.000	(2.070.000.000)	9.000.000.000	(2.070.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc	1.940.000.000		1.940.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess	457.500.000		457.500.000	
<b>Cộng</b>	<b>18.477.500.000</b>	<b>(3.576.473.535)</b>	<b>18.477.500.000</b>	<b>(3.576.473.535)</b>

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc 22% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.080.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ (số đầu năm là 7.080.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ). Trong đó vốn ủy thác đầu tư của cán bộ nhân viên Công ty là 2.572.100.000 VND tương đương với 257.210 cổ phiếu.

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư vào đơn vị khác:

	Vốn góp của Công ty	Vốn góp ủy thác	Tổng giá trị vốn góp
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	2.070.000.000	6.930.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc		1.940.000.000	1.940.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PV - Inconess		457.500.000	457.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.070.000.000</b>	<b>9.327.500.000</b>	<b>11.397.500.000</b>

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.576.473.535	2.676.153.626
Trích lập dự phòng bổ sung		900.319.909
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.576.473.535</b>	<b>3.576.473.535</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>17.754.573.331</b>	<b>42.504.303.395</b>
Tổng Công ty Sông Đà	1.731.708.274	6.912.478.793
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà - Hoàng Liên	8.577.964.535	10.277.964.535
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	130.826.149	120.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	286.141.000	555.881.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	3.055.202.881	930.205.575
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	3.330.340.535	7.373.574.132
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	642.389.957	70.672.645
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin		1.613.913
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		3.314.925.603
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		12.946.987.199
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>46.790.796.552</b>	<b>74.639.525.971</b>
Các khách hàng khác	46.790.796.552	74.639.525.971
<b>Cộng</b>	<b>64.545.369.883</b>	<b>117.143.829.366</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 27 - Xí nghiệp 10	20.000.000	20.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>10.563.776.742</b>	<b>11.186.070.433</b>
Công ty TNHH Hà Phát	1.611.050.420	1.985.340.204
Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Châu	2.757.432.197	2.064.146.223
Công ty Cổ phần Công nghệ Tứ Hồ	1.782.695.200	1.782.695.200
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	938.943.356	1.215.968.000
Các nhà cung cấp khác	3.473.655.569	4.137.920.806
<b>Cộng</b>	<b>10.583.776.742</b>	<b>11.206.070.433</b>

#### 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>1.725.284.171</b>		<b>1.725.284.171</b>	
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	1.725.284.171		1.725.284.171	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>67.346.321.865</b>	<b>(992.362.063)</b>	<b>68.488.659.961</b>	<b>(992.362.063)</b>
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	815.089.303	(1.903.190)	1.289.854.183	(1.903.190)
Chi phí vận chuyển tại các công trình	4.774.152.742	-	6.287.965.161	-
Phải thu các đội thi công	8.951.022.383	(421.336.073)	11.204.231.921	(421.336.073)
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	18.402.686.277	-	15.911.980.003	-
Lãi chậm trả người mua		-	1.385.516.305	-
Tạm ứng	28.657.995.260	(497.622.800)	27.929.927.783	(497.622.800)
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.755.777.982	-	340.445.056	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.196.234.814	(71.500.000)	947.196.171	(71.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>69.071.606.036</b>	<b>(992.362.063)</b>	<b>70.213.944.132</b>	<b>(992.362.063)</b>

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>69.961.150.618</b>		<b>70.852.498.218</b>	
Các khoản ký cược, ký quỹ	3.600.000		894.947.600	
Các khoản phải thu dài hạn khác <sup>(i)</sup>	69.957.550.618		69.957.550.618	
<b>Cộng</b>	<b>69.961.150.618</b>		<b>70.852.498.218</b>	

(i) Là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM (sau đây viết tắt là BMM) theo hợp đồng Liên danh số 107/2008/HĐLD ngày 05/6/2008 về việc liên danh xây dựng và khai thác Dự án nhà ở cao cấp BMM tại phường Phúc La, Hà Đông. BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương tỷ lệ 63%, Công ty góp bằng giá trị xây lắp tương đương tỷ lệ 37%. Theo phụ lục hợp đồng liên danh số 01/2010/HĐLD SDD12-BMM và phụ lục hợp đồng liên danh số 02/2013/HĐLD SDD12-BMM ngày 30/9/2013 hai bên thỏa thuận lại BMM góp bằng giá trị quyền sử dụng đất tương đương với 80%, Công ty góp bằng giá trị xây lắp tương đương 20% giá trị đầu tư dự án. Tổng vốn đầu tư của dự án theo quyết định số 14/QĐ/BQLDA ngày 06/8/2009 là 312.786.000.000 VND đã trừ chi phí sử dụng đất và giải phóng mặt bằng. Lợi nhuận Công ty được hưởng là 20% thu nhập sau thuế của dự án.

#### 6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>				
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>15.015.680.273</b>	<b>353.552.617</b>	<b>15.091.399.527</b>	<b>203.552.617</b>
Công ty TNHH Hà Phát	9.752.650.841		9.752.650.841	
<i>Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ</i>	7.435.379.324		7.435.379.324	
<i>Ứng trước tiền cho nhà cung cấp</i>	2.317.271.517		2.317.271.517	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.263.029.432	353.552.617	5.338.748.686	203.552.617
<b>Cộng</b>	<b>15.015.680.273</b>	<b>353.552.617</b>	<b>15.091.399.527</b>	<b>203.552.617</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	14.887.846.910		14.887.846.910
Hoàn nhập dự phòng	(225.719.254)		(225.719.254)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.662.127.656</b>		<b>14.662.127.656</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.887.755.375		5.813.508.085	
Công cụ, dụng cụ	17.386.029		22.029.094	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.995.160.885		48.374.148.835	
Thành phẩm			178.938.830	
Hàng hóa	4.791.183.359	(981.683.799)	11.774.415.355	
<b>Cộng</b>	<b>52.691.485.648</b>	<b>(981.683.799)</b>	<b>66.163.040.199</b>	

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	981.683.799	
Số cuối năm	<b>981.683.799</b>	

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí Công cụ dụng cụ	37.343.483	25.720.375
Chi phí sửa chữa	8.531.745	120.160.194
Chi phí đăng kiểm xe ô tô	17.757.638	
Chi phí thuê nhà		60.000.000
Chi phí khác	22.127.778	
<b>Cộng</b>	<b>85.760.644</b>	<b>205.880.569</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí Công cụ dụng cụ	109.543.139	49.592.069
Chi phí sửa chữa	110.349.736	773.289.901
Các chi phí trả trước dài hạn khác	89.855.280	21.828.980
<b>Cộng</b>	<b>309.748.155</b>	<b>844.710.950</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	9.538.169.955	7.896.345.685	7.375.552.169	335.930.610	25.145.998.419
Mua trong năm		31.818.182		59.990.000	91.808.182
Thanh lý, nhượng bán			(1.555.850.732)		(1.555.850.732)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.538.169.955</b>	<b>7.928.163.867</b>	<b>5.819.701.437</b>	<b>395.920.610</b>	<b>23.681.955.869</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.093.807.709	5.648.962.444	4.036.023.256	335.930.610	12.114.724.019
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4.780.992.558	7.210.287.389	6.718.866.493	323.680.597	19.033.827.037
Khấu hao trong năm	654.862.188	276.741.482	178.367.820	11.915.573	1.121.887.063
Thanh lý, nhượng bán			(1.555.850.732)		(1.555.850.732)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.435.854.746</b>	<b>7.487.028.871</b>	<b>5.341.383.581</b>	<b>335.596.170</b>	<b>18.599.863.368</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	4.757.177.397	686.058.296	656.685.676	12.250.013	6.112.171.382
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.102.315.209</b>	<b>441.134.996</b>	<b>478.317.856</b>	<b>60.324.440</b>	<b>5.082.092.501</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là máy móc thiết bị.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	10.685.299.943	2.522.894.435	8.162.405.508
Tăng trong năm		1.780.866.660	(1.780.866.660)
Giảm trong năm			
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.685.299.943</b>	<b>4.303.761.095</b>	<b>6.381.538.848</b>

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	965.540.364	34.169.524	999.709.888
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
<b>Số cuối năm</b>	<b>965.540.364</b>	<b>34.169.524</b>	<b>999.709.888</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		34.169.524	
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	278.467.447	34.169.524	312.636.971
Khấu hao trong năm	38.621.616		38.621.616
Giảm trong năm			
<b>Số cuối năm</b>	<b>351.258.587</b>	<b>34.169.524</b>	<b>351.258.587</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	687.072.917		687.072.917
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>648.451.301</b>		<b>648.451.301</b>

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định		31.818.182	(31.818.182)		
<i>Máy hàn kim loại</i>		31.818.182	(31.818.182)		
Xây dựng cơ bản dở dang	57.272.727			(57.272.727)	
<i>Máy kéo thắng thép bằng phương pháp thủy lực</i>	57.272.727			(57.272.727)	
<b>Cộng</b>	<b>57.272.727</b>	<b>31.818.182</b>	<b>(31.818.182)</b>	<b>(57.272.727)</b>	

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>258.417.973</b>	<b>737.433.610</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	7.841.528	109.553.878
Tổng Công ty Sông Đà	44.940.101	463.292.695
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	41.049.307	-
Ban điều hành Thủy điện Sơn La	164.587.037	164.587.037
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>48.589.953.990</b>	<b>71.518.677.125</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	4.755.520.162	9.999.999.979
Các nhà cung cấp khác	43.834.433.828	61.518.677.146
<b>Cộng</b>	<b>48.848.371.963</b>	<b>72.256.110.735</b>

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>6.983.684.096</b>	<b>2.316.846.693</b>
Ban điều hành Thủy điện Huội Quảng	4.287.574.200	1.632.067.693
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 - Xí nghiệp 6.04	344.779.000	344.779.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	2.011.330.896	



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>21.477.981.338</b>	<b>21.004.431.516</b>
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.271.865.017	5.271.865.017
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	1.521.637.000
Ban Quản lý Dự án các Công trình điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	1.629.426.783	2.423.075.085
Ban Quản lý Dự án các Công trình điện Miền Trung	299.063.384	
Ban Quản lý Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn	7.790.746.807	7.655.746.807
Công ty Cổ phần Thủy điện Sập Việt	3.651.133.358	3.351.133.358
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tụ Long	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>28.461.665.434</u></b>	<b><u>23.321.278.209</u></b>

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	17.201.979.128	1.479.320.224	(1.897.366.159)	16.783.933.193
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.859.097.656			5.859.097.656
Thuế thu nhập cá nhân	1.242.359.386	92.123.158	(259.923)	1.334.222.621
Tiền thuê đất, Thuế nhà đất	298.835.330	1.278.788.790	(467.771.000)	1.109.853.120
Các loại thuế khác		7.000.000	(7.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.486.527.094	1.734.481.230		8.221.008.324
<b>Cộng</b>	<b><u>31.088.798.594</u></b>	<b><u>4.591.713.402</u></b>	<b><u>(2.372.397.082)</u></b>	<b><u>33.308.114.914</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(48.193.931.673)	(15.202.286.469)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.615.469.757	2.479.809.562
- Các khoản điều chỉnh giảm	(512.593.500)	(202.763.500)
Thu nhập tính thuế	(43.578.461.916)	(12.722.476.907)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

#### *Tiền thuê đất, Thuế nhà đất*

Tiền thuê đất, thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>4.378.289.520</b>	<b>521.539.646</b>
Tổng Công ty Sông Đà - Chi phí thuê trụ sở tòa nhà HH4	3.668.925.520	76.792.979
Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	709.364.000	444.746.667
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>7.279.331.057</b>	<b>8.860.189.186</b>
Chi phí công trình	6.634.957.565	6.283.553.232
Chi phí lãi vay	-	192.675.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	644.373.492	2.383.960.954
<b>Cộng</b>	<b><u>11.657.620.577</u></b>	<b><u>9.381.728.832</u></b>

### 17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

#### 17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>69.478.412.306</b>	<b>74.793.505.575</b>
Kinh phí công đoàn	806.223.200	
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	13.022.011.547	8.107.702.457
Phải trả tiền mua chung cư BMM của khách hàng cho Công ty	33.963.101.696	41.129.101.696
Phải trả các đội thi công công trình	6.939.766.837	6.462.278.216
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.500.000.000	7.500.000.000
Tiền lãi phải trả cho khách hàng BMM	1.177.353.511	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.069.955.515	11.594.423.206
<b>Cộng</b>	<b><u>69.478.412.306</u></b>	<b><u>74.793.505.575</u></b>

#### 17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>71.649.286.881</b>	<b>71.630.555.881</b>
Tiền bán nhà thu theo hợp đồng liên danh với Công ty Sản xuất Thương mại BMM đang chờ quyết toán	57.760.396.881	57.624.905.881
Các khoản phải trả dài hạn khác	13.888.890.000	14.005.650.000
<b>Cộng</b>	<b><u>71.649.286.881</u></b>	<b><u>71.630.555.881</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	15.251.562.859	15.251.562.859	24.553.016.272	24.553.016.272
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	9.243.391.418	9.243.391.418
Ngân hàng Công thương Hà Tây	-	-	343.391.418	343.391.418
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Gia Lai	-	-	8.900.000.000	8.900.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	13.309.863.300	13.309.863.300	13.757.544.854	13.757.544.854
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	1.941.699.559	1.941.699.559	1.552.080.000	1.552.080.000
<b>Cộng</b>	<b>15.251.562.859</b>	<b>15.251.562.859</b>	<b>24.553.016.272</b>	<b>24.553.016.272</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền vay		Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.243.391.418		(9.243.391.418)	
Vay ngắn hạn các cá nhân	13.757.544.854	2.625.997.000	(3.073.678.554)	13.309.863.300
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.552.080.000		(1.422.776.236)	1.941.699.559
<b>Cộng</b>	<b>24.553.016.272</b>	<b>2.625.997.000</b>	<b>(13.739.846.208)</b>	<b>15.251.562.859</b>

**18b. Nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>			1.812.395.795	1.812.395.795
Nợ thuê tài chính				
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng ACB			1.812.395.795	1.812.395.795
<b>Cộng</b>			<b>1.812.395.795</b>	<b>1.812.395.795</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của Nợ thuê tài chính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.812.395.795	7.503.355.795
Số tiền vay phát sinh		
Số tiền vay đã trả		(776.040.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	<u>(1.812.395.795)</u>	<u>(4.914.920.000)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.812.395.795</u></b>	<b><u>1.812.395.795</u></b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	115.508.440	288.377.440
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		
Tăng khác	35.791.560	
Chi quỹ	<u>(151.300.000)</u>	<u>(172.869.000)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>115.508.440</u></b>

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	50.000.000.000	15.633.555.067	143.723.720	65.777.278.787
Lợi nhuận trong năm trước			(15.202.286.469)	(15.202.286.469)
Trích lập các quỹ		143.723.720	(143.723.720)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>15.777.278.787</u></b>	<b><u>(15.202.286.469)</u></b>	<b><u>50.574.992.318</u></b>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	15.777.278.787	(15.202.286.469)	50.574.992.318
Lợi nhuận trong năm nay			(48.193.931.673)	(48.193.931.673)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>15.777.278.787</u></b>	<b><u>(63.396.218.142)</u></b>	<b><u>2.381.060.645</u></b>

##### 20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	988.640.023	58.368.709.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.402.480.084	45.305.581.405
Doanh thu hợp đồng xây dựng	23.129.354.424	49.705.978.335
<b>Cộng</b>	<b><u>49.520.474.531</u></b>	<b><u>153.380.269.338</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Sông Đà</b>		
Khối lượng xây lắp hoàn thành	1.296.943.617	4.899.230.058
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 10</b>		
Tiền điện phát sinh trong kỳ	10.912.832.268	
<b>Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng</b>		
Khối lượng xây lắp hoàn thành	5.775.554.219	
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</b>		
Khối lượng xây lắp hoàn thành	3.055.202.881	
Giảm giá trị công trình ĐZ 220KV Hủa Na - Thanh Hóa	(878.380.698)	

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.098.041.033	59.167.690.843
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.637.279.290	43.360.262.875
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	40.683.805.072	44.999.425.318
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	981.683.799	
Giá vốn sản xuất kinh doanh gạch	2.421.012.564	
Chi phí tro bay không được bù giá	5.906.682.108	
<b>Cộng</b>	<b><u>73.728.503.866</u></b>	<b><u>147.527.379.036</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	547.279	63.274.714
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.992.240	
Lãi tiền cho vay	3.703.951.017	2.905.341.352
Lãi đầu tư chứng khoán	4.414.373	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	512.593.500	202.763.500
Lãi bán hàng trả chậm		638.993.687
<b>Cộng</b>	<b><u>4.230.498.409</u></b>	<b><u>3.810.373.253</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.010.803.815	4.578.623.661
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	396.748.584	813.006.798
Chi phí tài chính khác	298.250	
<b>Cộng</b>	<b><u>7.407.850.649</u></b>	<b><u>5.391.630.459</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.804.830.200	6.497.338.785
Chi phí vật liệu quản lý	516.685.405	834.572.035
Chi phí đồ dùng văn phòng	454.664.005	397.471.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.580.562	430.962.862
Thuế, phí và lệ phí	160.793.086	160.198.401
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(225.719.254)	1.009.256.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.582.061.751	2.551.827.277
Các chi phí khác	5.396.102.750	4.591.790.579
<b>Cộng</b>	<b><u>18.002.998.505</u></b>	<b><u>16.473.418.329</u></b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	511.818.182	
Thu từ dịch vụ cho thuê	258.019.485	226.081.067
Thu nhập khác	147.521.695	253.265.265
<b>Cộng</b>	<b><u>917.359.362</u></b>	<b><u>479.346.332</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp thuế, Bảo hiểm	2.719.680.381	2.682.573.062
Giảm giá trị khối lượng quyết toán		32.931.308
Thuế đất	471.926.250	3.404.275
Xử lý công nợ	399.921.412	
Chi phí khác	110.262.912	
<b>Cộng</b>	<b><u>3.701.790.955</u></b>	<b><u>2.718.908.645</u></b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(48.193.931.673)	(15.202.286.469)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(48.193.931.673)	(15.202.286.469)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>(9.639)</u></b>	<b><u>(3.040)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	361.364.000	312.000.000

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.16.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và các khoản thưởng	641.844.432	596.773.498
<b>Cộng</b>	<b>641.844.432</b>	<b>596.773.498</b>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Nguyên Lộc	Công ty liên kết

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Sông Đà</b>		
Tiền lãi vay phải trả TCT	-	77.972.161
Tổng Công ty cung cấp dịch vụ	538.110.912	353.806.389
Phí bảo lãnh	50.725.559	
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</b>		
Phải trả phí thực hiện công tác xóa tồn tại tiếp địa công trình	22.800.000	
Phí bảo lãnh	41.049.307	
<b>Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Việt - Lào</b>		
Cho vay ngắn hạn		995.496.564
Thu tiền cho vay ngắn hạn	995.496.564	

#### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.14 và V.16.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Xây dựng lắp đặt các công trình điện, thủy điện.
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại: Bán hàng hóa.
- Lĩnh vực khác: Cung ứng dịch vụ, sản phẩm công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực Xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực Kinh doanh thương mại</u>	<u>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	23.129.354.424	988.640.023	25.402.480.084	49.520.474.531
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23.129.354.424</b>	<b>988.640.023</b>	<b>25.402.480.084</b>	<b>49.520.474.531</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(17.554.450.648)	(9.418.779.481)	2.765.200.794	(24.208.029.335)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(18.024.118.505)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(42.232.147.840)
Doanh thu hoạt động tài chính				4.230.498.409
Chi phí tài chính				(7.407.850.649)
Thu nhập khác				917.359.362
Chi phí khác				(3.701.790.955)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(48.193.931.673)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>123.993.785</b>	<b>5.298.550</b>	<b>136.142.889</b>	<b>265.435.224</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Cộng
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>905.135.274</b>	<b>38.678.587</b>	<b>993.821.836</b>	<b>1.937.635.698</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	49.705.978.335	58.084.942.072	45.305.581.405	153.096.501.812
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>49.705.978.335</b>	<b>58.084.942.072</b>	<b>45.305.581.405</b>	<b>153.096.501.812</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.706.553.017	(1.082.748.771)	1.945.318.530	5.569.122.776
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(16.950.589.726)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(11.381.466.950)
Doanh thu hoạt động tài chính				3.810.373.253
Chi phí tài chính				(5.391.630.459)
Thu nhập khác				479.346.332
Chi phí khác				(2.718.908.645)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(15.202.286.469)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>162.248.132</b>	<b>189.598.388</b>	<b>147.884.545</b>	<b>499.731.065</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.257.366.801</b>	<b>1.469.321.804</b>	<b>1.146.053.973</b>	<b>3.872.742.578</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	57.722.926.927	3.299.348.020	14.106.871.678	75.129.146.625
Tài sản phân bổ cho bộ phận	88.741.182.200	3.793.148.862	97.462.560.872	189.996.891.934
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				25.690.364.666
<b>Tổng tài sản</b>				<b>290.816.403.225</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	63.812.430.018	3.896.791.622	9.600.815.757	77.310.037.397
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	33.724.443.581	1.441.516.009	37.038.842.102	72.204.801.692
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				138.920.503.491
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>288.435.342.580</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	65.962.354.711	16.428.958.835	31.070.739.343	113.462.052.889
Tài sản phân bổ cho bộ phận	50.732.600.232	59.284.622.179	46.241.317.980	156.258.540.391
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				97.118.473.529
<b>Tổng tài sản</b>				<b>366.839.066.809</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	48.484.959.970	26.599.288.951	20.493.140.023	95.577.388.944
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	24.909.634.508	29.108.665.113	22.704.421.315	76.722.720.936
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				143.963.964.611
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>316.264.074.491</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Số liệu so sánh

#### 3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

#### 3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Việc áp dụng chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</b>					
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.839.008.275	(995.496.564)	4.843.511.711	(i)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		995.496.564	995.496.564	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	41.943.571.293	28.270.372.839	70.213.944.132	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	28.270.372.839	(28.270.372.839)		(ii)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		298.455.804	298.455.804	(iii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	298.455.804	(298.455.804)		(iii)
Phải thu dài hạn khác	216		70.852.498.218	70.852.498.218	(iv)
Tài sản dài hạn khác	268	894.947.600	(894.947.600)		(iv)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	77.037.550.618	(69.957.550.618)	7.080.000.000	(iv)
Quỹ đầu tư phát triển	418	12.773.041.681	3.004.237.106	15.777.278.787	(v)

- (i) Đầu tư tài chính ngắn hạn và phải thu cho vay ngắn hạn  
Theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn trên bảng CĐKT không bao gồm số dư khoản Cho vay ngắn hạn (Sau đây được trình bày trên chỉ tiêu “ Phải thu cho vay ngắn hạn”)
- (ii) Phải thu ngắn hạn khác và tài sản ngắn hạn khác  
Theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác trên bảng CĐKT bao gồm số dư Tài khoản tạm ứng (Trước đây trình bày trên chỉ tiêu “ tài sản ngắn hạn khác”).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12**

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

- (iii) Tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản ngắn hạn khác  
Theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu tài sản ngắn hạn khác trên CĐKT không bao gồm số dư Tài sản thiếu chờ xử lý (Sau đây được trình bày trên chỉ tiêu “Tài sản thiếu chờ xử lý”).
- (iv) Phải thu dài hạn khác và tài sản dài hạn khác  
Theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu phải thu dài hạn khác trên bảng CĐKT bao gồm:  
- Số dư tài khoản ký quỹ, ký cược dài hạn (Trước đây trình bày trên chỉ tiêu “Tài sản dài hạn khác”), điều chỉnh tăng 894.947.600 VND.  
- Số dư tài khoản các khoản phải thu dài hạn khác điều chỉnh theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, điều chỉnh tăng 69.957.550.618 VND.
- (v) Quỹ đầu tư phát triển  
Theo chế độ kế toán mới thì không còn chỉ tiêu Quỹ dự phòng tài chính trên bảng CĐKT, Công ty trình bày số dư của Quỹ dự phòng tài chính cộng vào số liệu của chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển.

#### **4. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### **4a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

###### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

###### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

##### **4b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	15.251.562.859			15.251.562.859
Phải trả người bán	48.848.371.963			48.848.371.963
Các khoản phải trả khác	59.807.798.136	71.649.286.881		131.457.085.017
<b>Cộng</b>	<b>123.907.732.958</b>	<b>71.649.286.881</b>		<b>195.557.019.839</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	24.553.016.272	1.812.395.795		26.365.412.067
Phải trả người bán	72.256.110.735			72.256.110.735
Các khoản phải trả khác	71.414.843.813	71.630.555.881		143.045.399.694
<b>Cộng</b>	<b>168.223.970.820</b>	<b>73.442.951.676</b>		<b>241.666.922.496</b>

#### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm (VND)</u>	<u>Số đầu năm (VND)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền		2.618.638.603
Vay và nợ	(15.251.562.859)	(26.365.412.067)
<b>(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(15.251.562.859)</b>	<b>(23.746.773.464)</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 305.031.257 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 474.935.969 VND).

##### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 12

Địa chỉ: Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### 5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

##### Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.117.788.615	-	2.618.638.603	
Chứng khoán kinh doanh	5.241.078.364	(903.200.864)	5.349.963.991	(506.452.280)
Phải thu khách hàng	64.545.369.883	(11.216.117.076)	117.143.829.366	(14.887.846.910)
Các khoản cho vay	-	-	995.496.564	
Các khoản phải thu khác	29.531.184.243	-	41.782.499.623	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.397.500.000	(2.070.000.000)	11.397.500.000	(2.070.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>111.832.921.105</b>	<b>(14.189.317.940)</b>	<b>179.287.928.147</b>	<b>(17.464.299.190)</b>

##### Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	15.251.562.859	26.365.412.067
Phải trả người bán	48.848.371.963	72.256.110.735
Các khoản phải trả khác	131.457.085.017	143.045.399.694
<b>Cộng</b>	<b>195.557.019.839</b>	<b>241.666.922.496</b>

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 6. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 48.193.931.673 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 63.396.218.142 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 23.253.660.362 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

#### 7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Văn Hải  
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Thái  
Tổng Giám đốc